TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2026
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thu Hiền
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Trung Nam
2. Bà Vũ Thị Phương Hạnh

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12– Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2026/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2026/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1973.

CCCD số: 077173000982, cấp ngày 28/12/2021.

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã C, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đinh Văn D, sinh ngày 01/01/1967.

CCCD số: 077067000295

Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Đinh Văn D xây dựng gia đình với nhau vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 12/01/1990.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Bà và ông D đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông D có 04 con chung là Đinh Thị T1, sinh năm 1991; Đinh Quốc D1, sinh năm 1993; Đinh Thanh C, sinh năm 1996 và Đinh Thị Thanh H, sinh năm 2001. Các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đinh Văn D:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Đinh Văn D theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông D không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đinh Văn D cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đinh Văn D.

Về con chung: Bà T và ông D có 04 con chung là Đinh Thị T1, sinh năm 1991; Đinh Quốc D1, sinh năm 1993; Đinh Thanh C, sinh năm 1996 và Đinh Thị Thanh H, sinh năm 2001. Các con chung đều đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xác định quan hệ pháp luật vụ án là "Ly hôn", ông Đinh Văn D cư trú tại xã C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T; bị đơn ông Đinh Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của bà T, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà T cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn D tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 12/01/1990 nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà T, ông D: Bà T xác định vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên thường xuyên cãi vã. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông D đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng ông D vắng mặt không có lý do và không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông D.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T đối với ông D.

Về con chung: Bà T và ông D có 04 con chung là Đinh Thị T1, sinh năm 1991; Đinh Quốc D1, sinh năm 1993; Đinh Thanh C, sinh năm 1996 và Đinh Thị Thanh H, sinh năm 2001. Các con chung của bà T, ông D đều đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đinh Văn D về việc: "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đinh Văn D.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn D có 04 con chung là Đinh Thị T1, sinh năm 1991; Đinh Quốc D1, sinh năm 1993; Đinh Thanh C, sinh năm 1996 và Đinh Thị Thanh H, sinh năm 2001. Các con chung của bà T, ông D đều đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 23810 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV12-TP.HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Hải Xuân, tỉnh Ninh Bình; (ĐKKH số 10, ngày 12/01/1990);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thu Hiền